

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2011/TT-BGTVT

*Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011***THÔNG TƯ****Hướng dẫn về việc kết nối các tuyến đường sắt đô thị,
đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia**

Căn cứ Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về việc kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về các thủ tục kết nối đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia; quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Thông tư này là tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đường sắt quốc gia là đường sắt phục vụ cho nhu cầu vận tải chung của cả nước, từng vùng kinh tế và liên vận quốc tế.
2. Đường sắt đô thị là đường sắt phục vụ nhu cầu đi lại hàng ngày của hành khách ở thành phố, vùng phụ cận.
3. Đường sắt chuyên dùng là đường sắt phục vụ cho nhu cầu vận tải riêng của tổ chức, cá nhân.
4. Kết nối các tuyến đường sắt là kết nối kỹ thuật giữa các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia; các đoàn tàu đều có thể chạy từ đường sắt quốc gia vào đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng và ngược lại.

Điều 4. Nguyên tắc về việc kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia

1. Vị trí kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia phải được thực hiện tại các ga đường sắt.
2. Việc kết nối các tuyến đường sắt phải phù hợp với quy hoạch xây dựng chi tiết về đường sắt do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm về kiến trúc, quy hoạch, xây dựng, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương II**CÁC THỦ TỤC KẾT NỐI ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ, ĐƯỜNG SẮT CHUYÊN DÙNG VÀO ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA****Điều 5. Thủ tục thỏa thuận kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia**

1. Trong quá trình lập dự án, tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia phải được Bộ Giao thông vận tải thỏa thuận về việc kết nối. Văn bản thỏa thuận kết nối theo quy định tại Phụ lục B của Thông tư này.
2. Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thỏa thuận kết nối và gửi Bộ Giao thông vận tải (nộp trực tiếp tại Văn phòng Bộ Giao thông vận tải hoặc gửi qua hệ thống bưu chính). Hồ sơ đề nghị thỏa thuận kết nối bao gồm:

- Văn bản đề nghị thỏa thuận kết nối đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia theo mẫu quy định tại Phụ lục A của Thông tư này;

- Bản vẽ sơ họa mặt bằng vị trí dự kiến kết nối.

3. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thỏa thuận kết nối, Bộ Giao thông vận tải xem xét, có văn bản thỏa thuận kết nối hoặc văn bản nói rõ lý do không chấp thuận việc kết nối và gửi tổ chức, cá nhân đề nghị.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp phép kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia

Tổ chức, cá nhân lập 03 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép kết nối đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia và gửi Cục Đường sắt Việt Nam (nộp trực tiếp tại Văn phòng Cục Đường sắt Việt Nam hoặc gửi qua hệ thống bưu chính), hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị kết nối đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia theo mẫu quy định tại Phụ lục C kèm theo Thông tư này. Trường hợp đề nghị kết nối tạm (có thời hạn) thì trong đơn phải có cam kết tự tháo dỡ công trình và chịu mọi chi phí tháo dỡ, phục hồi lại trạng thái kết cấu hạ tầng đường sắt ban đầu khi hết thời hạn kết nối;

2. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

3. Các văn bản pháp lý có liên quan khác như: Văn bản thỏa thuận kết nối của Bộ Giao thông vận tải; Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công.

Điều 7. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp phép kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia

1. Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp phép kết nối đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia, kiểm tra hồ sơ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

2. Trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có giấy biên nhận và hẹn ngày trả kết quả.

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép kết nối các tuyến đường sắt chưa đúng quy định: Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, thì Cục Đường sắt Việt Nam có văn bản hướng dẫn đầy đủ (một lần) cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép kết nối đường sắt để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời hạn cấp phép.

Điều 8. Thẩm tra đề nghị kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp phép kết nối theo quy định; căn cứ vào hồ sơ đề nghị kết nối các tuyến đường sắt, các ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có), căn cứ thỏa thuận kết nối của Bộ Giao thông vận tải, căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật về xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan, Cục Đường sắt Việt Nam thẩm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần) và báo cáo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải để quyết định hoặc từ chối cho phép kết nối.

2. Khi cần làm rõ thông tin liên quan đến các cơ quan, tổ chức khác để phục vụ việc quyết định cho phép kết nối mà không thuộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị kết nối thì Cục Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan để làm rõ và xử lý.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được công văn đề nghị cho ý kiến của Cục Đường sắt Việt Nam, các cơ quan, tổ chức được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì coi như đã đồng ý.

Điều 9. Cấp phép kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia

1. Nội dung của quyết định cấp phép kết nối theo quy định tại Phụ lục C.

2. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Cục Đường sắt Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định cho phép kết nối hoặc có văn bản không cho phép kết nối và gửi các tổ chức, cá nhân đề nghị.

3. Quyết định cho phép kết nối được lập thành 05 bản chính có nội dung như nhau và theo mẫu quy định tại Phụ lục D của Thông tư này; 01 bản cấp cho tổ chức, cá nhân đề nghị kết nối, 01 bản gửi cho Cục Đường sắt Việt Nam, 01 bản gửi cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, 01 bản gửi cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố có dự án kết nối để theo dõi và quản lý, 01 bản lưu tại cơ quan cấp phép.

Điều 10. Điều chỉnh hoặc gia hạn quyết định cho phép kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia

1. Tổ chức, cá nhân phải tiến hành làm thủ tục đề nghị điều chỉnh hoặc gia hạn quyết định cho phép kết nối các tuyến đường sắt trong các trường hợp sau đây:

a) Công trình đã được cấp phép kết nối hoặc đã triển khai thực hiện nhưng không thể hoàn thành theo đúng thời hạn ghi trong quyết định cho phép kết nối;

b) Khi có sự thay đổi thiết kế làm ảnh hưởng đến khu vực kết nối.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh hoặc gia hạn quyết định cho phép kết nối các tuyến đường sắt

Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh hoặc gia hạn quyết định cho phép kết nối phải lập 01 bộ hồ sơ gửi Bộ Giao thông vận tải (qua Cục Đường sắt Việt Nam). Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh hoặc gia hạn quyết định cho phép kết nối tuyến đường sắt theo mẫu quy định tại Phụ lục E kèm theo Thông tư này;

b) Bản chụp quyết định cho phép kết nối tuyến đường sắt đã được cấp;

c) Bản vẽ thiết kế khu vực kết nối (đối với trường hợp điều chỉnh thiết kế).

3. Thời gian xét cấp điều chỉnh hoặc gia hạn quyết định cho phép kết nối chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp không điều chỉnh hoặc gia hạn được, cơ quan cấp quyết định điều chỉnh hoặc gia hạn phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không điều chỉnh hoặc gia hạn.

4. Quyết định điều chỉnh hoặc gia hạn việc cho phép kết nối các tuyến đường sắt được lập thành 05 bản chính có nội dung như nhau và theo mẫu quy định tại Phụ lục F kèm theo Thông tư này; 01 bản cấp cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh hoặc gia hạn kết nối, 01 bản gửi cho Cục Đường sắt Việt Nam, 01 bản gửi cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, 01 bản gửi cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố có dự án kết nối để theo dõi và quản lý, 01 bản lưu tại cơ quan cấp quyết định điều chỉnh hoặc gia hạn.

5. Cơ quan cấp quyết định điều chỉnh hoặc gia hạn là cơ quan quyết định cho phép kết nối các tuyến đường sắt.

6. Việc điều chỉnh hoặc gia hạn quyết định cho phép kết nối các tuyến đường sắt không quá 02 lần. Nếu quá 02 lần sẽ bị thu hồi quyết định cho phép kết nối đã cấp.

Chương III

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI, CỤC ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM, TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Điều 11. Thẩm quyền thỏa thuận và quyết định cho phép kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thỏa thuận và quyết định cho phép kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia; quyết định điều chỉnh hoặc gia hạn việc cho phép kết nối các tuyến đường sắt.

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

1. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo về việc kết nối các tuyến đường sắt theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Đình chỉ việc xây dựng công trình khi phát hiện có vi phạm theo quyết định cho phép kết nối hoặc không bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông; trường hợp đã có quyết định đình chỉ mà tổ chức, cá nhân được phép kết nối vẫn tiếp tục vi phạm thì thu hồi quyết định để xử lý.

3. Lưu trữ hồ sơ đề nghị kết nối để theo dõi, quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm của Cục Đường sắt Việt Nam

1. Niêm yết công khai điều kiện, trình tự và hồ sơ kết nối các tuyến đường sắt tại trụ sở cơ quan Cục.

2. Cung cấp bằng văn bản thông tin liên quan đến việc kết nối các tuyến đường sắt khi có yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị cho phép kết nối. Thời hạn cung cấp thông tin chậm nhất là 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu.

3. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia lập hồ sơ đề nghị kết nối.

4. Thẩm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần) và báo cáo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải để quyết định hoặc từ chối cho phép kết nối.

5. Kiểm tra việc thực hiện xây dựng công trình theo quyết định cho phép kết nối đã được cấp.

6. Thu, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép kết nối theo đúng quy định hiện hành.

7. Lưu trữ hồ sơ đề nghị cấp phép kết nối để theo dõi, quản lý.

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

1. Trước khi khởi công công trình:

a) Thông nhất với tổ chức, cá nhân đề nghị kết nối các tuyến đường sắt về thời gian thi công. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xem xét, có văn bản thông nhất hoặc văn bản nói rõ lý do không thống nhất và gửi tổ chức, cá nhân đề nghị;

b) Bàn giao hiện trường cho đơn vị thi công công trình theo sự thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đề nghị kết nối.

2. Trong thời gian thi công công trình:

a) Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông trong thi công theo quyết định cho phép kết nối và các quy định của pháp luật;

b) Tạm đình chỉ theo thẩm quyền đối với việc xây dựng công trình không đúng quyết định cho phép kết nối hoặc không bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt và báo cáo Bộ Giao thông vận tải để xem xét, xử lý.

3. Sau khi hoàn thành công trình:

Tham gia nghiệm thu, tiếp nhận lại hiện trường và hồ sơ hoàn công công trình (*khu vực kết nối*) để quản lý, theo dõi, khai thác theo quy định.

4. Xây dựng lại “Quy tắc quản lý kỹ thuật ga” tại ga có kết nối đường sắt trước khi đưa đường sắt khu vực kết nối vào khai thác.

Chương IV

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ KẾT NỐI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT

Điều 15. Quyền của tổ chức, cá nhân đề nghị kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia

1. Đề nghị cơ quan cấp phép giải thích, hướng dẫn và thực hiện đúng các quy định về việc cấp phép kết nối đường sắt.

2. Khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật trong việc cấp phép kết nối đường sắt.

Điều 16. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đề nghị kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia

1. Khi lập dự án xây dựng (*khu vực kết nối*) phải có văn bản của Bộ Giao thông vận tải thỏa thuận về việc kết nối đường sắt.

2. Nộp đầy đủ hồ sơ và chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép.

3. Nộp lệ phí cấp phép theo quy định hiện hành.

4. Chỉ được khởi công xây dựng công trình sau khi có quyết định cho phép kết nối do cơ quan có thẩm quyền cấp; thực hiện đúng nội dung của quyết định cho phép

kết nối; khi có sự thay đổi thiết kế làm ảnh hưởng đến khu vực kết nối phải được sự chấp thuận của cơ quan cấp phép.

5. Trước khi thi công công trình phải thỏa thuận với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về thời gian thi công, làm thủ tục nhận bàn giao mặt bằng thi công.

6. Chịu trách nhiệm quản lý và bảo đảm giao thông vận tải thông suốt, an toàn tại khu vực được bàn giao kể từ ngày nhận mặt bằng thi công.

7. Khi hoàn thành công trình hoặc kết thúc công việc, phải dỡ bỏ các chướng ngại vật do xây dựng công trình gây ra; bàn giao lại hiện trường và hồ sơ hoàn công cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

8. Phải bồi thường khi gây ra thiệt hại cho công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký.
2. Cục Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.
3. Việc thanh tra, kiểm tra thực hiện Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.
4. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân báo cáo kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

4. Phương án vận tải: (Phương án tổ chức chạy tàu từ đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia và ngược lại, phương án dồn dịch toa xe...)

5. Biện pháp bảo đảm an toàn

**Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(hoặc cá nhân) đề nghị kết nối**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ý kiến của Tổng công ty
Đường sắt Việt Nam**

Đồng ý với đề nghị của..... về việc kết nối tuyến đường sắt..... với đường sắt quốc gia theo các nội dung nêu trên.

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ý kiến của cơ quan quản lý đường
đường bộ (nếu liên quan)**

Đồng ý với đề nghị của..... về việc kết nối tuyến đường sắt..... với đường sắt quốc gia theo các nội dung nêu trên.

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Kích cỡ chữ, bố cục mẫu đơn, khổ giấy in: thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06/5/2005 của Bộ Nội vụ - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Phụ lục B**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

THỎA THUẬN**Kết nối tuyến đường sắt đô thị hoặc đường sắt chuyên dùng
vào đường sắt quốc gia**

Kính gửi:.....

- Căn cứ Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

- Căn cứ Thông tư số 05/2011/TT-BGTVT ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về việc kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia;

- Căn cứ....;

- Sau khi xem xét đề nghị thỏa thuận số...../..... ngày... tháng..... năm.... của....., về việc kết nối tuyến đường sắt..... vào đường sắt quốc gia; Bản vẽ sơ họa mặt bằng vị trí dự kiến kết nối; ý kiến của.... (nếu có).

Bộ Giao thông vận tải đồng ý thỏa thuận kết nối tuyến đường sắt..... vào đường sắt quốc gia theo đề nghị của....., với những nội dung chủ yếu sau:

1. Địa điểm kết nối: Thuộc tỉnh (thành phố).....

2. Vị trí kết nối: Tại km..... trên tuyến đường sắt.....

3. Các tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu.....

4. Kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, duy tu, sửa chữa.....

5. Phương án vận tải: (Phương án tổ chức chạy tàu từ đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia và ngược lại, phương án dồn dịch toa xe...)

6. Biện pháp bảo đảm an toàn.....

7. Các vấn đề khác.....

Nơi nhận:

-;

-;

Lưu:

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Kích cỡ chữ, bố cục mẫu đơn, khổ giấy in: thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06/5/2005 của Bộ Nội vụ - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Phụ lục C

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
KẾT NỐI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
Số...../.....

....., ngày..... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

**Kết nối tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng
vào đường sắt quốc gia**

(Kèm theo thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt)

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép kết nối:

.....

- Địa chỉ liên hệ: Số nhà:..... Đường (Xóm)..... Phường (Xã).....

Quận (Huyện)..... Tỉnh, Thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

2. Nội dung đề nghị cấp phép kết nối:

- Tên công trình:.....

- Thuộc dự án:.....

- Loại công trình: *(Vĩnh cửu, tạm)*.

- Địa điểm kết nối: Thuộc tỉnh (thành phố).....

- Vị trí kết nối: Tại km..... trên tuyến đường sắt.....

- Mục đích của việc đấu nối: *(Nêu rõ mục đích của việc đấu nối vào đường sắt quốc gia)*.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật (đối với công trình đường sắt kết nối vào đường sắt quốc gia): *(Nêu rõ trọng tải, tốc độ thiết kế và các tiêu chuẩn kỹ thuật cần thiết khác của công trình)*.

- Quy mô xây dựng công trình: *(Nêu quy mô các hạng mục công trình chủ yếu).*
- Biện pháp thi công chủ yếu: *(Nêu biện pháp thi công chủ yếu của các hạng mục công trình đường sắt kết nối vào đường sắt quốc gia).*
- Biện pháp bảo vệ môi trường: *(Nêu biện pháp bảo vệ môi trường đối với đường sắt).*
- Kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, duy tu, sửa chữa.....
- Phương án vận tải: *(Phương án tổ chức chạy tàu từ đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia và ngược lại, phương án dồn dịch toa xe...)*
- Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông: *(Nêu biện pháp đảm bảo an toàn giao thông khi kết nối với đường sắt quốc gia).*

3. Đơn vị hoặc người thiết kế:.....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....

4. Tổ chức, cá nhân thẩm định thiết kế.....

Địa chỉ..... Điện thoại.....

Giấy phép hành nghề số:..... cấp ngày.....

5. Lời cam kết:

Tôi xin cam đoan làm theo đúng quyết định cho phép kết nối được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và xử lý theo quy định của pháp luật./.

**Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(hoặc cá nhân) đề nghị kết nối**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Kích cỡ chữ, bố cục mẫu đơn, khổ giấy in: thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06/5/2005 của Bộ Nội vụ - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Phụ lục D**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép kết nối tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia**

- Căn cứ Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Thông tư số 05/2011/TT-BGTVT ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về việc kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia;
- Xét Đơn đề nghị số...../..... ngày... tháng..... năm.... của....., về việc kết nối tuyến đường sắt..... vào đường sắt quốc gia; Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị kết nối số...../..... ngày.... tháng.... năm.... của Cục Đường sắt Việt Nam;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ.....,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Cho phép:.....
- Địa chỉ: Số nhà:..... Đường..... Phường (Xã).....
Quận (Huyện)..... Tỉnh, Thành phố:.....
2. Được kết nối:
 - Tên tuyến đường sắt:.....
 - Thuộc dự án:.....
 - Loại công trình: (*Vĩnh cửu, tạm*)
 - Địa điểm kết nối: Thuộc tỉnh (thành phố).....

- Vị trí kết nối: Tại km..... trên tuyến đường sắt
 - Theo thiết kế có ký hiệu:..... Do:..... lập.
 - Mục đích của việc kết nối: *(Nêu rõ mục đích của việc kết nối vào đường sắt quốc gia).*
 - Tiêu chuẩn kỹ thuật: *(Nêu rõ trọng tải, tốc độ thiết kế và các tiêu chuẩn kỹ thuật cần thiết khác của công trình).*
 - Quy mô xây dựng công trình gồm các hạng mục chủ yếu sau: *(Nêu quy mô các hạng mục công trình chủ yếu).*
 - Biện pháp thi công chủ yếu: *(Nêu biện pháp thi công chủ yếu của các hạng mục công trình đường sắt kết nối vào đường sắt quốc gia).*
 - Biện pháp bảo vệ môi trường: *(Nêu biện pháp bảo vệ môi trường đối với đường sắt).*
 - Kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, duy tu, sửa chữa.....
 - Phương án vận tải: *(Phương án tổ chức chạy tàu từ đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia và ngược lại, phương án dồn dịch toa xe...)*
 - Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông: *(Nêu biện pháp đảm bảo an toàn giao thông khi kết nối với đường sắt quốc gia).*
 - Những nội dung khác quy định đối với từng loại công trình cụ thể.
3. Những yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân được kết nối:
- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt;
 - Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về xây dựng và Quyết định này;
 - Phải thông báo cho cơ quan quản lý đường sắt sở tại đến kiểm tra khi định vị công trình;
 - Xuất trình Quyết định cho phép kết nối với chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và yết báo phối cảnh công trình, số quyết định, tên đơn vị thiết kế, đơn vị thi công, ngày hoàn thành tại địa điểm xây dựng công trình.
 - Trường hợp thay đổi thiết kế *(trong phạm vi kết nối)* mà làm thay đổi bước thiết kế trước thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cho phép kết nối các tuyến đường sắt.

- Khi xây dựng xong phải lập hồ sơ hoàn công và báo cáo cơ quan cho phép kết nối các tuyến đường sắt.

4. Hiệu lực của quyết định:

Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-;

-;

Lưu:

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Kích cỡ chữ, bố cục mẫu đơn, khổ giấy in: thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06/5/2005 của Bộ Nội vụ - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Phụ lục E

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỀ NGHỊ GIA HẠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
KẾT NỐI

.....

Số/.....

....., ngày..... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH HOẶC GIA HẠN

**Về việc kết nối tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng
vào đường sắt quốc gia**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh hoặc gia hạn kết nối:

.....

- Địa chỉ liên hệ: Số nhà:..... Đường (Xóm)..... Phường (Xã).....

Quận (Huyện)..... Tỉnh, Thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

2. Công trình đề nghị điều chỉnh hoặc gia hạn kết nối:

- Tên công trình:.....

- Thuộc dự án:.....

- Loại công trình: *(Vĩnh cửu, tạm)*.

- Địa điểm kết nối: Thuộc tỉnh (thành phố).....

- Vị trí kết nối: Tại km..... trên tuyến đường sắt.....

Đã được Bộ Giao thông vận tải cho phép kết nối theo Quyết định số...../QĐ-BGTVT ngày... tháng... năm.....

3. Lý do đề nghị điều chỉnh hoặc gia hạn quyết định cho phép kết nối: *(Nêu rõ lý do phải đề nghị điều chỉnh hoặc gia hạn quyết định cho phép kết nối)*

4. Các văn bản pháp lý liên quan kèm theo: (*Bản chụp quyết định cho phép kết nối tuyến đường sắt đã được cấp; Quyết định điều chỉnh hoặc gia hạn thiết kế, bản vẽ thiết kế điều chỉnh...*)

**Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(hoặc cá nhân) đề nghị gia hạn kết nối
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)**

Ghi chú:

Kích cỡ chữ, bố cục mẫu đơn, khổ giấy in: thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06/5/2005 của Bộ Nội vụ - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Phụ lục F**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH HOẶC GIA HẠN
Về việc kết nối tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng
vào đường sắt quốc gia**

- Căn cứ Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Thông tư số 05/2011/TT-BGTVT ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về việc kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số......./QĐ-BGTVT ngày... tháng... năm..... của Bộ Giao thông vận tải về việc kết nối tuyến đường sắt..... vào đường sắt quốc gia;
- Xét Đơn đề nghị số...../..... ngày... tháng..... năm.... của....., về việc cấp gia hạn kết nối tuyến đường sắt..... vào đường sắt quốc gia;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ.....,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Cho phép:

- Địa chỉ: Số nhà:..... Đường..... Phường (Xã).....

Quận (Huyện)..... Tỉnh, Thành phố:.....

2. Được điều chỉnh hoặc gia hạn kết nối:

- Tên tuyến đường sắt:.....

- Thuộc dự án:.....

- Loại công trình: (Vĩnh cửu, tạm)

- Địa điểm kết nối: Thuộc tỉnh (thành phố).....

- Vị trí kết nối: Tại km trên tuyến đường sắt.....
- Theo thiết kế có ký hiệu: Do: lập.
- Mục đích của việc điều chỉnh hoặc gia hạn kết nối: *(Nêu rõ mục đích của việc điều chỉnh hoặc gia hạn kết nối vào đường sắt quốc gia).*
- Các vấn đề khác

3. Hiệu lực của quyết định:

Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-;

-;

Lưu:

BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Kích cỡ chữ, bố cục mẫu đơn, khổ giấy in: thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06/5/2005 của Bộ Nội vụ - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.